

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 9 – 2024
“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Minh Hoi.

- Ông Nguyễn Đình Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 209/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H. Sinh năm 198x. Đăng ký hộ khẩu thường trú xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay xóm Y, xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Bùi Hữu L. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày như sau: - Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Bùi Hữu L làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/01/202x tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa bà Trương Thị H và ông Bùi Hữu L là trên tinh thần tự nguyện của hai bên, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến khoảng tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ đầu tháng 8/2024 đến nay hai người sống ly thân. Đến nay, bà Trương Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trương Thị H được ly hôn ông Bùi Hữu L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Trương Thị H và ông Bùi Hữu L có 01 (Một) con chung là Bùi Thị BT – sinh ngày 04/01/202x. Bà

Trương Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Trương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị H đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Hữu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2024, bị đơn trình bày như sau: Ông Bùi Hữu L đồng ý với ý kiến trình bày của bà Trương Thị H về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung. Ông Bùi Hữu L thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho hạnh phúc gia đình, chăm sóc con. Vì vậy ông Bùi Hữu L không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu bà Trương Thị H kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông Bùi Hữu L đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

- Về con chung: Ly hôn thì ông Bùi Hữu L đề nghị Tòa án giao con chung là Bùi Thị BT – sinh ngày 04/01/202x cho bà Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Hữu L đề nghị Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị H được ly hôn ông Bùi Hữu L.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Bùi Thị BT, sinh ngày 04/01/202x cho bà Trương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Bùi Hữu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.930.000 (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật. Buộc ông Bùi Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Bùi Hữu L có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Trương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Bùi Hữu L, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ, do đó việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An cấp ngày 27/01/202x và căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Trương Thị H, ông Bùi Hữu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BS, huyện ĐL cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/01/202x, do đó hôn nhân giữa bà Trương Thị H và ông Bùi Hữu L là hợp pháp. Bà Trương Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Bùi Hữu L nên cần được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy bà Trương Thị H, ông Bùi Hữu L mới sống ly thân nhưng cả hai người đều không còn chăm lo cho nhau, không người nào có biện pháp để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Mặc dù ông Bùi Hữu L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng do bà Trương Thị H kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn nên điều đó cho thấy bà Trương Thị H không còn tình cảm vợ chồng với ông Bùi Hữu L. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H và giải quyết cho bà Trương Thị H được ly hôn ông Bùi Hữu L.

[4] Về con chung: Căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân bà Trương Thị H và ông Bùi Hữu L có 01 (Một) con chung là Bùi Thị BT – sinh ngày 04/01/202x. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Trương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Bùi Thị BT hiện nay đang sống cùng với bà Trương Thị H, hơn nữa cháu Bùi Thị BT đang là trẻ em dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho bà Trương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Trương Thị H là có căn cứ để xem xét giải quyết. Ông Bùi Hữu L không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử căn

cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ nên cần buộc ông Bùi Hữu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trương Thị H với số tiền tương ứng với một phần hai mức lương tối thiểu vùng tại nơi ông Bùi Hữu L sinh sống, làm việc là 1.930.000 (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; ông Bùi Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn ông Bùi Hữu L.

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Bùi Thị BT, sinh ngày 04/01/202x cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Bùi Hữu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trương Thị H với số tiền 1.930.000 (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng/01 tháng, thực hiện từ tháng 9 năm 2024.

Bà Trương Thị H được nhận từ ông Bùi Hữu L số tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.930.000 (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng/01 tháng, thực hiện từ tháng 9 năm 2024.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trương Thị H đã nộp tại Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009601 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (Đã thi hành xong).

Ông Bùi Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã BS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà